TAND HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tư do - Hanh phúc

Bản án số:11/2018/DSST
Ngày:22/8/2018
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vinh

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Kiều Văn Dậu

2. Ông Trương Văn Tiến

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Tạ Thị Bích Ngọc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà: Bà Lưu Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 14/TLST-DS, ngày 11/4/2018 về việc "Kiện đòi tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28a/2018/QĐST-DS, ngày 03/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1973 - Có mặt

Đều trú tại: Thôn Y, xã Y, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1974 - Vắng mặt

Chị Nguyễn Thị Hạnh L, sinh năm 1976 - Có mặt

Đều trú tại: Thôn T, xã Y, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - Anh D trình bày: Do giữa chị và anh P, chị L có quen biết nhau từ trước nên vào ngày 14/11/2011 anh có cho anh P, chị L vay số tiền 55.000.000đ, mục đích vay để anh P, chị L chi tiêu vào việc gia đình; Hai bên không ghi rõ thời hạn vay mà thỏa thuận miệng khi nào anh cần thì anh P, chị L phải thanh toán trả tiền cho anh. Lãi suất anh không tính mà chỉ mang tính cho mượn vì giữa anh và chị L là đồng nghiệp của nhau. Vài ngày sau, anh P, chị L đã trả anh được 5.000.000đ nên số tiền còn nợ là 50.000.000đ.

Ngày 04/6/2014 anh cho anh P, chị L vay tiếp số tiền 150.000.000đ, mục đích vay để vợ chồng anh P, chị L làm ăn, số tiền này anh cho mượn nóng 10 ngày và cũng không tính lãi.

Từ khi vay đến nay, anh P, chị L không trả được anh số nợ trên. Anh đã đòi nhiều lần nhưng anh P, chị L vẫn không trả. Do vậy, anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh P, chị L phải trả anh toàn bộ tiền còn nợ là 200.000.000đ, anh không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn - Anh P, chị L đã được giao thông báo thụ lý; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; Giấy triệu tập phiên tòa nhưng hai người không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa anh D yêu cầu: số tiền 50.000.000đ tôi chỉ yêu cầu một mình chị L trả tôi vì chỉ có chữ ký của một mình chị L trong giấy vay tiền, nay chị L khẳng định không sử dụng vào mục đích chi tiêu chung cho vợ chồng. Đối với số tiền 150.000.000đ, khi vay thì cả anh P và chị L cùng vay và nói để sử dụng chung. Mặc dù chỉ có một mình chữ ký của anh P xác nhận nhưng tôi nhớ là cho cả hai vợ chồng vay, hai vợ chồng cùng có mặt khi nhận tiền, do là chỗ quen biết nên khi một mình anh P ký tôi cũng chấp nhận, kể cả là không ký cũng không sao. Do vậy, tôi vẫn yêu cầu cả anh P và chị L cùng có trách nhiệm trả nợ tôi số tiền 150.000.000đ.

Chị L trình bày: Vợ chồng tôi đã nhận được các văn bản tố tụng do Tòa án tống đạt gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải; Giấy triệu tập phiên tòa do Tòa án giao qua chồng tôi (P). Do vậy, hôm nay tôi có mặt tại phiên tòa và có ý kiến như sau: Về số tiền 55.000.000đ vay vào ngày 14/11/2011, sau đó đã trả được 5.000.000đ, còn nợ 50.000.000đ. Thực chất là anh D nhờ tôi cho vay lãi hộ, nhưng tôi không có căn cứ gì, một mình tôi ký nhận nợ, số tiền này tôi sử dụng vào mục đích cá nhân, chồng tôi không biết gì nên tôi đồng ý trả cho anh D số tiền này. Còn số tiền 150.000.000đ anh P vay và sử dụng vào mục đích gì, tôi không biết, tôi không sử dụng số tiền này, nếu tôi cùng vay như anh D nói thì đương nhiên tôi cũng phải ký xác nhận, không bao giờ anh D lại để một mình anh P ký. Do vậy, tôi không chấp nhận cùng anh P trả số tiền 150.000.000đ.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện viện kiểm sát tham gia phiên toà đã phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cả hai bị đơn đều không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham ghia các phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ và phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa hôm nay chỉ có chị L có mặt. Về hướng giải quyết vụ án, đại diện VKSND đề nghị: Căn cứ các Điều 26, 35 BLTTDS; các Điều 357, 463, 466, 469, 688 BLDS đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Buộc chị L phải trả cho anh D 50.000.000đ, buộc anh P phải trả cho anh D số tiền 150.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Do có quan hệ quen biết với nhau nên vào ngày 14/11/2011 và ngày 04/6/2014, anh D đã cho vợ chồng anh P, chị L vay tiền số tiền tổng hai lần vay là 205.000.000đ. Sau lần vay thứ nhất, chị L đã trả được 5.000.000đ nên số nợ còn lại là 200.000.000đ. Mỗi lần cho vay, nhận tiền các bên có lập thành văn bản và ký xác nhận của các bên, ghi rõ số tiền vay và đều không tính lãi. Số tiền vay ngày 14/11/2011 không ghi rõ thời hạn vay, mà chỉ thỏa thuận miệng khi nào cần tiền thì anh P, chị L phải thanh toán trả anh D; Giấy biên nhận chỉ có một mình chị L ký xác nhận. Số tiền vay ngày 04/6/2014 ghi rõ thời hạn trả là ngày 15/6/2014.

Bị đơn là anh P, chị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập phiên tòa nhưng anh P, chị L không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh D. Do vậy, xác định anh P, chị L đã từ bỏ quyền L, nghĩa vụ của mình là được quyền có quan điểm về yêu cầu khởi kiện của anh D.

Xét các giấy tờ vay nợ giữa anh D với anh P, chị L thì thấy: Giấy vay ngày 14/11/2011 chị L là người ký xác nhận nợ; Giấy vay ngày 04/6/2014 anh P là người ký xác nhận nợ. Anh D cho rằng các lần vay, anh đều cho cả vợ chồng anh P, chị L vay. Mỗi lần vay thì cả vợ, chồng anh P, chị L đều hỏi vay, nhưng khi nhận tiền anh chỉ yêu cầu 1 trong 2 vợ chồng đại diện ký và viết giấy vay là được. Mục đích vay tiền của anh P, chị L là dùng vào công việc chung, làm ăn chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa chị L cho rằng các khoản vay có chữ ký của ai thì đó là khoản vay riêng của người đó, số tiền này đều sử dụng vào mục đích riêng nên chị chấp nhận trả số tiền 50.000.000đ, còn số tiền 150.000.000đ đề nghị xem xét vì chị không liên quan.

Bị đơn - Anh Nguyễn Văn D cũng chấp nhận lời trình bày của chị L, anh chỉ yêu cầu một mình chị L phải trả số tiền 50.000.000đ. Số tiền 150.000.000đ anh vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc cả hai vợ chồng anh P, chị L phải cùng trả cho anh. Ngoài lời khai, anh D không có căn cứ gì để chứng minh số tiền này do hai vợ chồng anh P vay chung và sử dụng vào mục đích chung.

Xem xét giấy mượn tiền đề ngày 04/6/2014 có nội dung thể hiện không rõ ràng ngoài anh P ra thì ai là người vay chung và sử dụng chung. Cuối văn bản thì chỉ thể hiện người mượn là cá nhân anh Nguyễn Văn P. Quá trình giải quyết vụ án, anh P không có mặt, chị L không thừa nhận và không biết khoản vay này. Chị còn cho rằng nếu là vay chung, sử dụng chung thì anh D đã bắt chị ký xác nhận.

Từ phân tích và nhận định trên xét thấy khoản vay 50.000.000đ vào ngày 14/11/2011 và do cá nhân chị L vay, sử dụng vào mục đích riêng của chị. Khoản vay 150.000.000đ là do cá nhân anh P vay và sử dụng vào mục đích cá nhân của anh P. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, buộc cá nhân chị L và anh P phải trả cho anh D số tiền mà từng người đã vay và ký nhận nợ với anh D. Về lãi suất do các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Buộc anh P, chị L phải chịu án phí DSST tương ứng với số tiền phải trả theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 164, 166, 357, 466, 468, 469, 470, 688 BLDS; Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn D. Buộc anh Nguyễn Văn P phải trả cho anh Nguyễn Văn D số tiền 150.000.000đ; Buộc chị Nguyễn Thị Hạnh L phải trả cho anh Nguyễn Văn D 50.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thì hành án, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn P phải chịu 7.500.000đ tiền án phí DSST. Buộc chị Nguyễn Thị Hạnh L phải chịu 2.500.000đ tiền án phí DSST. Trả lại anh D 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003734 ngày 06/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Đương sự có mặt có quyền quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND huyện
- Thi hành án
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.